



Biểu số 12

**CHI TIẾT DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU HỌC PHÍ, GIÁ DỊCH VỤ
VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị	Dự toán 2023		Ghi chú
		Các khoản thu khác	Các khoản thu từ nhà	
A	B	1	2	3
	TỔNG CỘNG	3.496.271	110.000	
1	Sở Văn hóa và Thể thao	9.079		
	Văn phòng Sở	10		
	Đoàn ca múa	700		
	Đoàn Kịch nói Hải Phòng	220		
	Đoàn Chèo Hải Phòng	500		
	Đoàn Nghệ thuật múa Rối Hải Phòng	460		
	Đoàn Cải lương Hải Phòng	420		
	Bảo tàng Hải Phòng	1.400		
	Thư viện Khoa học tổng hợp thành phố	190		
	Trung tâm văn hóa thành phố	60		
	Trung tâm Thông tin, Triển lãm và điện ảnh	385		
	Trung tâm Tổ chức Biểu diễn nghệ thuật	2.350		
	Trung tâm đào tạo VDV TDTT	1.754		
	Trung tâm QL và khai thác các công trình TDTT HP	630		
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.940		
	Chi cục Thủy sản	100		1 phần dự toán thu sang Thanh tra Sở
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	2.300		
	Ban quản lý cảng cá, bến cá	1.340		
	Trường Trung cấp nghề Thủy sản	700		
	Trung tâm giống và phát triển nông nghiệp công nghệ cao	500		
3	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	8.658		
	Trung tâm dịch vụ việc làm	100		
	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2	2.628		
	Trường Lao động xã hội Thanh Xuân	2.080		
	Trung tâm công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em HP	3.850		
4	Sở Giáo dục và đào tạo	117.390		
	THPT Chuyên Trần Phú	5.594		
	THPT Thái Phiên	5.060		
	THPT Lê Quý Đôn	4.639		
	THPT Hải An	4.361		
	THPT Lê Hồng Phong	3.761		
	THPT Hồng Bàng	3.834		
	THPT Ngô Quyền	4.990		
	THPT Trần Nguyên Hãn	4.722		
	THPT Lê Chân	3.237		
	THPT Đồ Sơn	3.154		
	THCS và THPT Lý Thánh Tông	1.110		
	THPT Kiến An	4.493		
	THPT Đồng Hòa	3.372		
	THPT Mạc Đĩnh Chi	4.555		
	THPT Kiến Thụy	2.758		

STT	Đơn vị	Dự toán 2023		Ghi chú
		Các khoản thu khác	Các khoản thu từ nhà	
	THPT Thụy Hương	2.185		
	THPT Nguyễn Đức Cảnh	2.250		
	THPT An Lão	2.750		
	THPT Quốc Tuấn	2.104		
	THPT Trần Hưng Đạo	2.349		
	THPT Tiên Lãng	2.689		
	THPT Toàn Thắng	2.052		
	THPT Hùng Thắng	2.061		
	THPT Nhữ Văn Lan	1.957		
	THPT Vĩnh Bảo	2.588		
	THPT Cộng Hiền	2.052		
	THPT Nguyễn Bình Khiêm	2.493		
	THPT Tô Hiệu	2.236		
	THPT Nguyễn Khuyến	2.092		
	THPT An Dương	3.971		
	THPT Nguyễn Trãi	3.899		
	THPT Lý Thường Kiệt	2.660		
	THPT Quang Trung	2.666		
	THPT Lê Ích Mộc	2.740		
	THPT Phạm Ngũ Lão	2.765		
	THPT Bạch Đằng	2.678		
	THPT Thủy Sơn	2.077		
	THPT Cát Bà	959		
	THPT Cát Hải	700		
	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Hải Phòng	778		
5	Sở Xây Dựng	11.770	110.000	
	Trung tâm tư vấn thiết kế xây dựng và Kiểm định chất lượng xây dựng	5.500		
	Viện quy hoạch	6.270		
	Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà		110.000	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	41.309		
	Văn phòng đăng ký đất đai	12.650		
	Trung tâm kỹ thuật, Dữ liệu Thông tin tài nguyên và Môi trường	9.900		
	Trung tâm quan trắc môi trường	18.759		
7	Thành Đoàn	2.800		
	Cung Văn hóa thiếu nhi	1.600		
	Cung thể thao thanh niên	1.200		
8	Sở Công thương	114		
	Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển Công nghệ	114		
9	Sở Khoa học và Công nghệ	25.676		
	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	17.000		
	Trung tâm Phát triển khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo	5.000		
	Trung tâm Thông tin, thống kê Khoa học công nghệ	3.676		
10	Trung tâm Hội nghị và Nhà khách thành phố	8.000		
11	Trung tâm thông tin-tin học (VPUBNDTP)	100		
12	Sở Thông tin và truyền thông	700		
	Trung tâm TTTT	700		
13	Sở Y tế	2.947.738		
	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp	1.370.420		

STT	Đơn vị	Dự toán 2023		Ghi chú
		Các khoản thu khác	Các khoản thu từ nhà	
	Bệnh viện Kiến An	232.250		
	Bệnh viện Phụ sản	342.000		
	Bệnh viện Trẻ em	287.900		
	Bệnh viện Mắt	47.080		
	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Phòng	8.000		
	Bệnh viện Phổi Hải Phòng	36.836		
	Bệnh viện Y học cổ truyền	20.477		
	Bệnh viện Tâm thần	40.000		
	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền	39.500		
	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	138.973		
	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	45.500		
	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo	77.650		
	Bệnh viện Đôn Lương	2.900		
	Trung tâm y tế huyện Kiến Thụy	27.342		
	Trung tâm y tế huyện An Dương	44.693		
	Trung tâm y tế quận Kiến An	13.792		
	Trung tâm y tế quận Dương Kinh	12.400		
	Trung tâm y tế quận Hải An	15.853		
	Trung tâm y tế quận Hồng Bàng	18.465		
	Trung tâm y tế quận Lê Chân	21.730		
	Bệnh viện Đa khoa quận Đồ Sơn	12.500		
	Trung tâm y tế huyện Cát Hải	5.500		
	Trung tâm y tế huyện Tiên Lãng	21.150		
	Trung tâm Da liễu	15.380		
	Trung tâm Cấp cứu 115	290		
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố	4.600		
	Trung tâm Pháp y	1.400		
	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm	1.810		
	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	4.000		
	Trung tâm Kiểm dịch Y tế Quốc tế	37.347		
14	Sự nghiệp Đào tạo	217.597		
	Trường chính trị Tô Hiệu	1.000		
	Trường Đại học Hải Phòng	167.000		
	Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng	20.000		Sinh viên khối ngành sức khỏe giảm
	Trường Cao đẳng Công nghiệp	2.500		
	Trường Cao đẳng nghề lao động xã hội	3.000		
	Trường Cao đẳng Cộng đồng	894		
	Trường trung cấp văn hóa nghệ thuật và du lịch	630		
	Trường Trung cấp giao thông vận tải	21.000		
	Trường Trung cấp Nông nghiệp thủy sản	673		
	Trường Trung cấp xây dựng	900		
15	Đài phát thanh và Truyền hình Hải Phòng	100.000		
16	Ban quản lý Cảng và khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ	400		

